

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỘ KINH DOANH NGÀNH CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Đào Duy Huân⁵, Nguyễn Dũng Tâm⁶

Tóm tắt: Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng số liệu báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng qua các năm 2016, 2017 và 2018, và số liệu điều tra 150 hộ kinh doanh lĩnh vực chế biến và chế tạo. Thực trạng và hiệu quả kinh doanh của hộ gia đình trên lĩnh vực này qua các năm 2016 đến 2018. ROS là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh bao gồm hai nhóm bên ngoài và bên trong. Kết quả phân tích cho thấy số lượng hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, nghề chế biến và chế tạo tăng dần qua các năm. Trong đó, khu vực nông thôn tăng nhanh hơn thành thị. Hộ kinh doanh lĩnh vực chế biến và chế tạo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trong 2018 kinh doanh có hiệu quả nhưng chỉ số này rất thấp. Giải pháp được đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động của hộ kinh doanh lĩnh vực chế biến và chế tạo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng gồm: (i) Nâng cấp cơ sở hạ tầng và giảm tác động của điều kiện tự nhiên; (ii) Phát triển thị trường; (iii) Chính sách về thuế; (iv) Tăng cường cải cách các thủ tục hành chính trong hoạt động kinh doanh; (v) Phát triển các dịch vụ hỗ trợ hộ kinh doanh; (vi) Tăng cường chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn và tín dụng; (vii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hộ kinh doanh và (viii) Hỗ trợ những hộ kinh doanh lâu năm.

Từ khóa: chế biến và chế tạo, hiệu quả kinh doanh, hộ kinh doanh

Abstract: A study of the factors influencing efficiency of business households in manufacturing sectors in Soc Trang province aims at providing information for the potential solutions to improve their business efficiency. Data from the Department of Planning and Investment of Soc Trang in 2016-2018 and a survey of 150 business households in processing and manufacturing sectors. Factors affecting household's business performance and efficiency include two groups: external and internal. ROS was the main indicator to evaluate business efficiency of households. The results show that the number of business households in processing and manufacturing sectors has increased over the years, faster in rural areas. The business efficiency of households in processing and manufacturing sectors in Soc Trang province is very low. Proposed solutions to improve their business efficiency include: (i) upgrading the infrastructure; (ii) market development; (iii) tax policy; (iv) strengthen the reform of administrative procedures; (v) support services for business household; (vi) access to capital and credit; (vii) improve the quality of human resources for business households.

Keywords: business efficiency, business household, processing and manufacturing

⁵ Phó Giáo sư - Tiến sĩ - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ

⁶ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang

1. Giới thiệu nghiên cứu

Tính đến 31/12/2018, có 1.247 hộ kinh doanh đăng ký ngành, nghề chế biến và chế tạo, chiếm 12,3% tổng số hộ kinh doanh trên địa bàn. Tuy nhiên, hộ kinh doanh của cả nước nói chung và hộ kinh doanh của tỉnh Sóc Trăng nói riêng gặp rất nhiều khó khăn như trình độ công nghệ lạc hậu và chậm đổi mới; năng lực tài chính, năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh còn thấp; trình độ quản trị, tính liên kết còn yếu; khả năng tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế còn thấp,... Cho đến nay, đã có khá nhiều nghiên cứu về vấn đề này nhưng hầu hết các nghiên cứu trước đây hầu hết thực hiện trên đối tượng là các doanh nghiệp, hơn là mô hình hộ kinh doanh và đặc biệt là chưa có nghiên cứu thực hiện đối với mô hình hộ kinh doanh trong lĩnh vực chế biến và chế tạo. Mục tiêu chung của nghiên cứu là đánh giá hiện trạng hoạt động, sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

2. Lược khảo các nghiên cứu có liên quan

Henrik và ctg (2002) đã phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên các mặt: quy mô doanh nghiệp, trình độ quản lý, địa bàn hoạt động, quyền sở hữu, loại hình và chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Nguyễn Quốc Nghi và Mai Văn Nam (2011) khảo sát 389 doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) và phân tích thực trạng sản xuất kinh doanh, phân tích hồi qui để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các DNNVV. Kết quả cho thấy, các nhân tố mức độ tiếp cận chính sách hỗ trợ của chính phủ, học vấn của chủ doanh nghiệp, qui mô doanh nghiệp, quan hệ xã hội của doanh nghiệp và tốc độ tăng doanh thu ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DNNVV ở thành phố Cần Thơ.

Phan Thị Minh Lý (2011) khảo sát 112 DNVVN ở Thừa Thiên - Huế để xác định và lượng hóa tác động của bốn nhóm nhân tố đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Kết quả cho thấy nhóm nhân tố về nội lực của doanh nghiệp có tác động mạnh nhất đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế theo là các nhóm nhân tố về chính sách của địa phương, chính sách vĩ mô và yếu tố vốn. Tác giả đưa ra 16 giải pháp hỗ trợ bao gồm: (1) Hệ thống luật pháp, (2) Chính sách thuế, (3) Chính sách lãi suất, (4) Chính sách của địa phương, (5) Thủ tục hành chính, (6) Hỗ trợ từ Hội doanh nghiệp, (7) Hạ tầng cơ sở, (8) Thủ tục thuê đất, (9) Tiếp cận vốn, (10) Trang thiết bị, (11) Thông tin thị trường, (12) Tiếp thị và (13) Trình độ lao động.

Nguyễn Nam Hải (2018) đã phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh Đồng Nai dùng dữ liệu thu thập từ 200 chủ doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 07 nhân tố tác động: (1) khả năng thanh toán, (2) quy mô doanh nghiệp, (3) tốc độ tăng trưởng, (4) thủ tục hành chính, (5) tiếp cận các tổ chức tín dụng, (6) trình độ lao động và (7) thời gian hoạt động. Phước Minh Hiệp và ctg (2019) đã phân tích “Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của DNNVV ở TP. Bến Tre” dùng dữ liệu từ 313 doanh nghiệp, đã tìm được 06 nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh:

Đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm chủ doanh nghiệp, vốn, môi quan hệ xã hội, chính sách hỗ trợ, hoạt động đổi mới. Nhóm tác giả đề xuất 6 nhóm giải pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của DNVTN, theo đó con người là nhân tố quyết định.

Tổng kết các nghiên cứu trước và lỗ hổng

Các nghiên cứu trước đây hầu hết thực hiện trên đối tượng là các doanh nghiệp, hơn là mô hình hộ kinh doanh và đặc biệt là chưa có nghiên cứu thực hiện đối với mô hình hộ kinh doanh trong lĩnh vực chế biến và chế tạo. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là định lượng với phương pháp điều tra doanh nghiệp và sử dụng các mô hình phân tích định lượng như hồi quy. Mặc dù, các mô hình này có nhiều ưu điểm và thường được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế, nhưng cũng có điểm hạn chế là có thể bỏ sót biến hoặc có các hiện tượng tương tác của các biến nên đôi lúc kết quả không được như mong đợi về mặt thực tế. Do đó, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng chủ yếu là phương pháp nghiên cứu định tính để có cái nhìn tổng quát hơn về các nhân tố tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của hộ. Tác giả sử dụng đồng thời số liệu từ các báo cáo của cơ quan quản lý hộ kinh doanh và số liệu khảo sát 150 hộ kinh doanh, điều mà các nghiên cứu trước ít khi sử dụng. Mặc dù chủ yếu là phân tích định tính nhưng tác giả sử dụng dữ liệu điều tra với cách so sánh giữa các nhóm để xác định tác động của nhân tố đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của hộ.

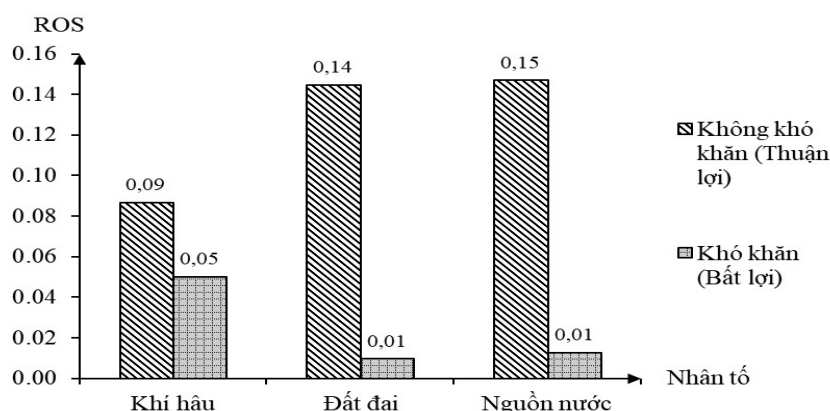
Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hộ kinh doanh

Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trên quy mô của doanh nghiệp lớn, nhỏ và hoạt động ở quy mô hộ gia đình. Nhưng mỗi nghiên cứu đề cập đến những nhân tố khác nhau, và các nhân tố này cũng có tác động khác nhau tùy thuộc vào từng nghiên cứu cụ thể. Điều này cho thấy rằng các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh không tạo đầu ra cố định mà thay đổi tùy thuộc vào từng môi trường cụ thể. Những thay đổi này có thể là do các tác động đan xen lẫn nhau giữa các nhân tố. Do đó, dường như rằng muốn áp dụng chính sách, chiến lược cho từng nơi khác nhau, cần có những nghiên cứu riêng cho từng nơi đó. Nhìn chung, có hai nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là nhân tố bên ngoài và nhân tố bên trong sau: Nhân tố bên ngoài gồm: Điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng, Tiếp cận thị trường, Chính sách về thuế, Các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, Các dịch vụ hỗ trợ. Nhân tố bên trong gồm: Quy mô và tiếp cận nguồn vốn, tín dụng, Nguồn nhân lực của hộ kinh doanh, Thời gian hoạt động

3. Phân tích, đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến hiệu quả kinh doanh

3.1. Điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng

Tác động của nhân tố điều kiện tự nhiên đến hiệu quả kinh doanh của hộ kinh doanh lĩnh vực chế biến và chế tạo được đánh giá bằng việc so sánh chỉ tiêu ROS với hai nhóm (có khó khăn và không có khó khăn) của nhân tố này.



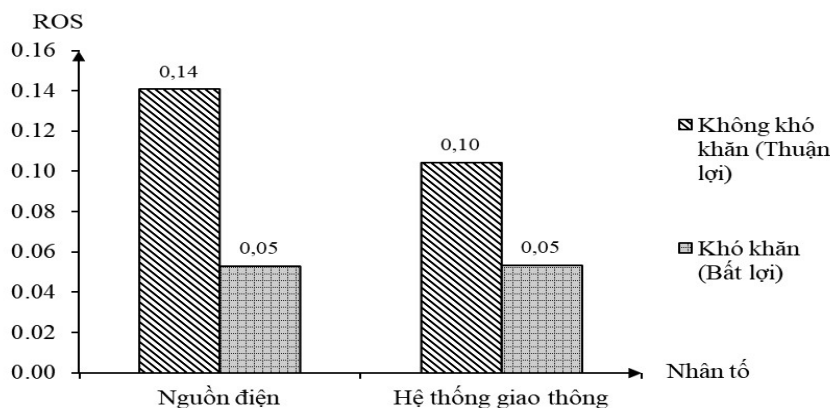
Hình 1: ROS của hộ kinh doanh theo các điều kiện tự nhiên

(Nguồn: số liệu khảo sát 2019)

Kết quả so sánh cho thấy rằng cả ba chỉ tiêu về điều kiện tự nhiên đều có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hộ khi chỉ số ROS. Trong đó, nếu hộ kinh doanh nhận định gặp khó khăn về biến đổi khí hậu, hiệu quả kinh doanh thấp hơn. Hộ kinh doanh có gặp khó khăn về đất đai có chỉ số ROS thấp hơn. Hộ kinh doanh có gặp khó khăn về nguồn nước có chỉ số ROS thấp hơn (Hình 1). Trong khi đó, qua kết quả khảo sát, số hộ có gặp khó khăn về điều kiện tự nhiên trong sản xuất kinh doanh khá nhiều. Có 40,7% hộ kinh doanh nhận định điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến kinh doanh của họ; có 54% hộ kinh doanh nhận định điều kiện đất đai có gây bất lợi cho hoạt động kinh doanh của họ; và có đến 56% hộ kinh doanh nhận định gặp khó khăn về điều kiện nguồn nước.

3.2. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng được xác định thông qua hai chỉ tiêu là khó khăn trong việc tiếp cận nguồn điện phục vụ kinh doanh và khó khăn về hệ thống giao thông.



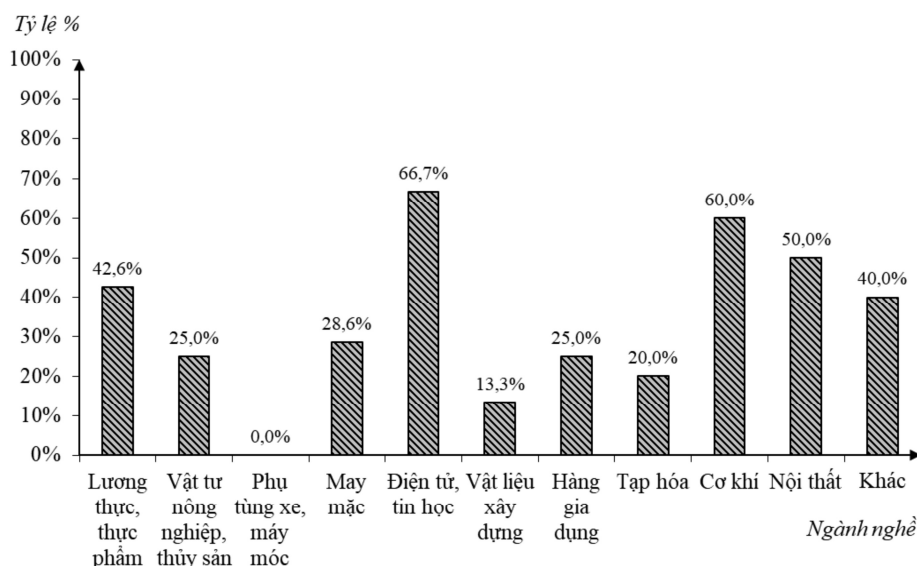
Hình 2: ROS của hộ kinh doanh theo các điều kiện cơ sở hạ tầng.

(Nguồn: số liệu khảo sát 2019)

Hộ có gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn điện có hiệu chỉ số ROS thấp hơn, hộ có gặp khó khăn về hệ thống giao thông có hiệu chỉ số ROS thấp hơn. Do đó, có thể kết luận rằng giả thuyết về tác động của cơ sở hạ tầng đối với hiệu quả kinh doanh của hộ là đúng. Số hộ gặp khó khăn về tiếp cận cơ sở hạ tầng còn khá cao: 78,7% cho rằng nguồn điện gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh và 64% cho rằng hệ thống giao thông không thuận lợi.

3.3. Tiếp cận thị trường

Khảo sát cho thấy còn nhiều hộ gặp khó khăn tiếp cận thị trường (32,7%). Trong đó, nhóm kinh doanh điện tử và tin học gặp nhiều khó khăn nhất (66,7%). Kế đến là nhóm hộ kinh doanh lĩnh vực cơ khí và nội thất. Tiếp theo là nhóm hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm với 42,6% và nhóm hộ kinh doanh hoạt động khác với 40%. Nhóm hộ ít gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận và mở rộng thị trường là may mặc, vật tư nông nghiệp, thủy sản và hàng gia dụng. Trong khi đó, nhóm hộ kinh doanh ít gặp khó khăn trong việc tiếp cận và mở rộng thị trường nhất là vật liệu xây dựng và phụ tùng xe, máy móc (Hình 3). Việc tiếp cận thị trường dễ dàng có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc kinh doanh các lĩnh vực vật tư nông nghiệp, thủy sản, may mặc, phụ tùng xe, máy móc, tạp hóa, vật liệu xây dựng phát triển sôi động hơn so với nhóm ngành khác.

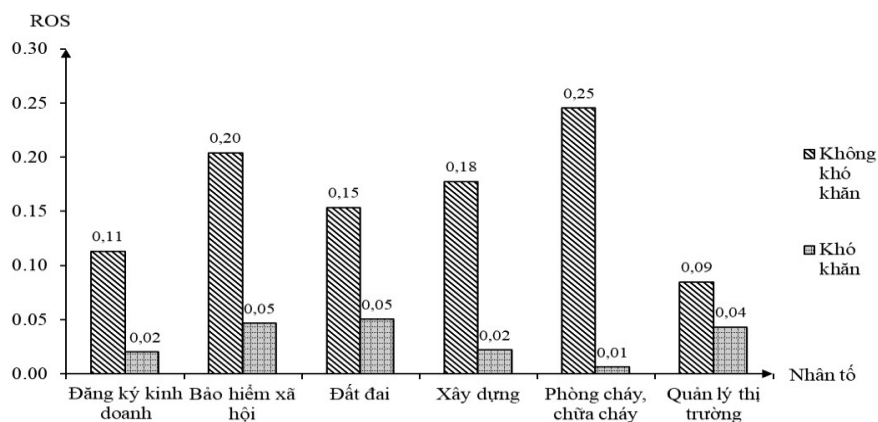


Hình 3: Tỷ lệ hộ kinh doanh gặp khó khăn tiếp cận thị trường phân theo ngành nghề.

3.4. Chính sách về thuế

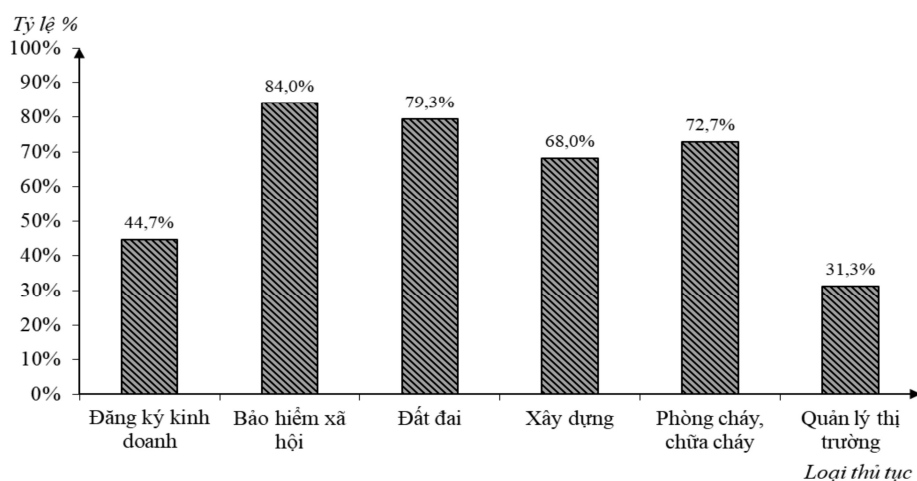
Kết quả cho thấy có 57,3% hộ cho rằng chính sách thuế không hợp lý; trong khi đó có 42,7% hộ cho rằng chính sách thuế vẫn chưa hợp. Khi so sánh hiệu quả kinh doanh giữa hai nhóm này, nhóm hộ kinh doanh cho rằng chính sách thuế không hợp lý có chỉ số ROS thấp hơn.

3.5. Các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh



Hình 4: So sánh ROS giữa các nhóm hộ trong các loại thủ tục hành chính

Hộ kinh doanh có khó khăn trong thủ tục đăng ký kinh doanh có chỉ số ROS thấp hơn so với hộ không gặp khó khăn. Hộ kinh doanh gặp khó khăn trong thủ tục về bảo hiểm xã hội có chỉ số ROS thấp hơn. Nhóm hộ gặp khó khăn trong thủ tục liên quan đến đất đai có hiệu quả kinh doanh thấp hơn. Nhóm hộ kinh doanh cho rằng thủ tục liên quan đến xây dựng rườm rà, khó khăn có chỉ số ROS thấp hơn. Nhóm hộ kinh doanh cho rằng thủ tục liên quan đến phòng cháy chữa cháy rườm rà, khó khăn có chỉ số ROS thấp hơn. Và cuối cùng là, nhóm hộ gặp khó khăn trong các thủ tục liên quan đến quản lý thị trường có chỉ số ROS thấp hơn (Hình 5).

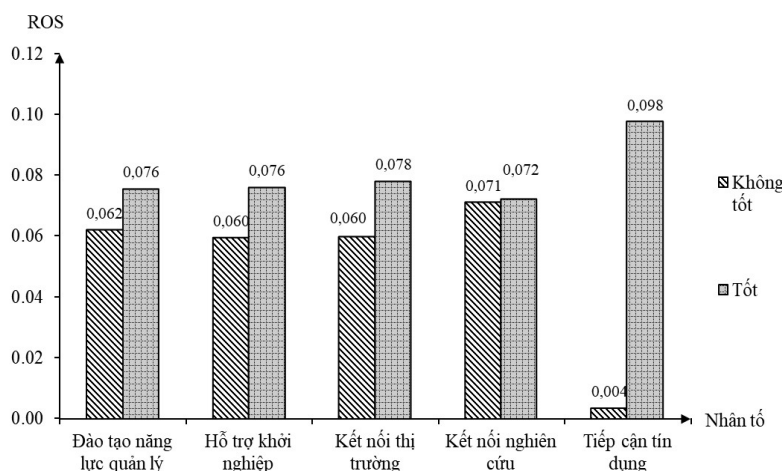


Hình 5: Tỷ lệ hộ nhận định rằng thủ tục hành chính rườm rà theo từng loại thủ tục.

3.6. Các dịch vụ hỗ trợ

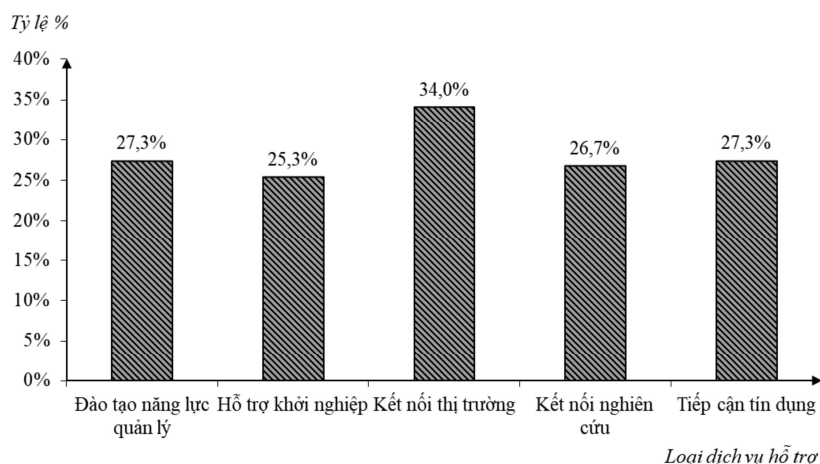
Khảo sát cho thấy hộ kinh doanh cho rằng các dịch vụ hỗ trợ tốt có chỉ số ROS tốt hơn so với các nhóm hộ kinh doanh cho rằng các dịch vụ hỗ trợ không tốt. Hay nói khác hơn các dịch vụ hỗ trợ tốt giúp hộ kinh doanh có hiệu quả kinh doanh tốt hơn và ngược lại.

Những hộ cho rằng dịch vụ đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực quản lý có ROS cao hơn. Nhóm hộ kinh doanh cho rằng dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp tốt sẽ có chỉ số ROS cao hơn. Dịch vụ hỗ trợ kết nối doanh nghiệp với thị trường có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hộ khi chỉ số ROS của nhóm hộ cho rằng dịch vụ hỗ trợ này tốt cao hơn. Dịch vụ hỗ trợ kết nối doanh nghiệp với nhà nghiên cứu dường như không ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh. Dịch vụ hỗ trợ tiếp cận tín dụng có ảnh hưởng rõ nét nhất đến hiệu quả kinh doanh (Hình 6).



Hình 6: ROS của hộ kinh doanh theo nhóm nhân tố thuộc về dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

So với thực trạng về các nhân tố khác, nhân tố về các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên địa bàn khảo sát tương đối tốt. Số hộ cho rằng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa tốt tương đối thấp. Trong đó, dịch vụ hỗ trợ thị trường có tỷ lệ hộ kinh doanh cho rằng chưa tốt cao nhất với tỷ lệ 34%. Kế đến là dịch vụ hỗ trợ đào tạo năng lực quản lý và tiếp cận tín dụng với tỷ lệ là 27,3%. Dịch vụ hỗ trợ kết nối nghiên cứu với tỷ lệ 26,7% và tốt nhất là dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, chỉ có 25,3% hộ kinh doanh cho rằng dịch vụ này chưa tốt (Hình 7).

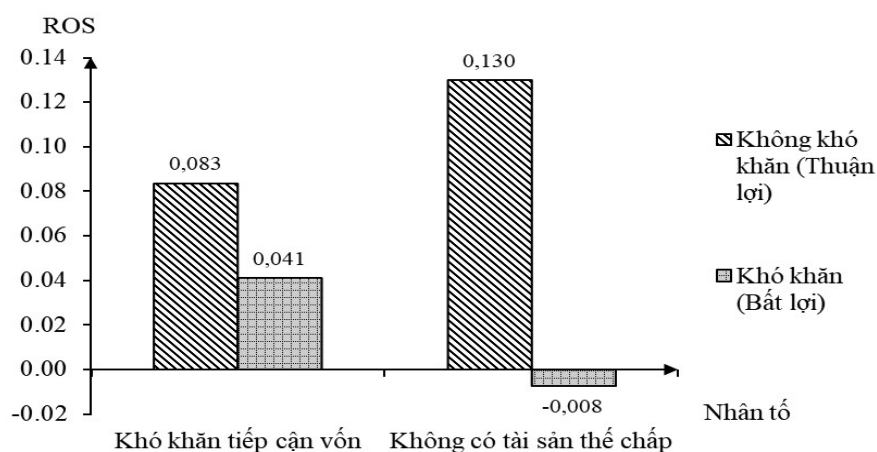


Hình 7: Tỷ lệ hộ nhận định rằng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa tốt theo từng lĩnh vực hỗ trợ

3.7. Quy mô và tiếp cận nguồn vốn, tín dụng

Kết quả khảo sát cho thấy những hộ tiếp cận được với nguồn vốn, tín dụng chính thức tốt có hiệu quả kinh doanh tốt hơn (Hình 7). Điều này phù hợp với một số nghiên cứu trước đây và kỳ vọng của giả thuyết nghiên cứu. Do đó, một trong những giải pháp để giúp hỗ trợ kinh doanh đạt hiệu quả hơn là cần có chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, tín dụng, nhất là nguồn tín dụng chính thức.

Tuy nhiên, thực tế khảo sát, vẫn còn một bộ phận hộ kinh doanh không tiếp cận được nguồn vốn, tín dụng. Trong đó, có 26,7% hộ kinh doanh không tiếp cận được nguồn vốn vay do thiếu phương án sản xuất kinh doanh khả thi. Có 42% hộ không có tài sản thế chấp để tiếp cận được vốn vay của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.



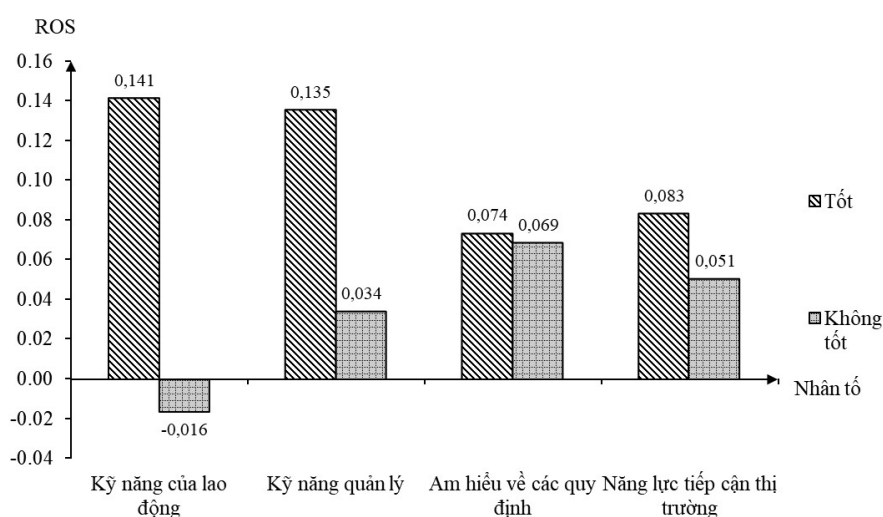
Hình 8: So sánh chỉ số ROS giữa các nhóm hộ trong nhân tố tiếp cận nguồn vốn, tín dụng

Về quy mô nguồn vốn, trong nghiên cứu này, quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp được chia thành hai nhóm: quy mô vốn hoạt động nhỏ hơn 1 tỷ đồng và quy mô nguồn vốn từ 1 tỷ đồng trở lên. Kết quả khảo sát, tỷ lệ hộ có vốn hoạt động dưới 1 tỷ đồng là 82,6% và tỷ lệ hộ có vốn hoạt động từ 1 tỷ đồng trở lên là 17,3%. Hộ kinh doanh với nguồn vốn dưới 1 tỷ đồng có chỉ số ROS cao hơn (0,112) so với hộ kinh doanh có nguồn vốn từ 1 tỷ đồng trở lên (-0,117).

3.8. Nguồn nhân lực của hộ kinh doanh

Khảo sát cho thấy rằng năng lực của hộ kinh doanh có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Kỹ năng quản lý của chủ hộ, Sự am hiểu về những quy định trong ngành cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hộ nhưng ít hơn. Hộ cho rằng mình am hiểu về những quy định có chỉ số ROS cao hơn. Những hộ kinh doanh cho rằng mình có năng lực tiếp cận thị trường tốt, có chỉ số ROS cao hơn so với nhóm hộ cho rằng mình không tốt về năng lực này (Hình 9).

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy rằng nhiều hộ còn thiếu về năng lực kinh doanh. Trong đó, có 44% hộ cho rằng lao động tại cơ sở của mình thiếu kỹ năng. Có 62,7% hộ cho rằng mình thiếu kỹ năng quản lý. Có 32% hộ kinh doanh cho rằng mình am hiểu các quy định về sản xuất kinh doanh và 34,7% hộ kinh doanh cho rằng mình không có năng lực về tiếp thị.



Hình 9: So sánh chỉ số ROS giữa các nhóm hộ trong nhân tố năng lực kinh doanh

4. Giải pháp tác động vào các yếu tố để nâng cao hiệu quả hoạt động của hộ kinh doanh

4.1. Nâng cấp cơ sở hạ tầng và giảm tác động của điều kiện tự nhiên

Một là, chính quyền địa phương cần quan tâm, đầu tư nâng cấp hệ thống đường giao thông, kết hợp với cải thiện điều kiện về thủy lợi và nâng cấp hệ thống cung cấp nước. *Hai là*, đầu tư nâng cấp hệ thống điện, đặc biệt ưu tiên những khu vực có hoạt động kinh doanh phát triển. *Ba là*, hỗ trợ người dân về chiến lược thích ứng với tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên.

4.2. Phát triển thị trường

Một là, hỗ trợ tư vấn về các kiến thức kinh doanh, thị trường, cách tiếp cận thị trường; cung cấp các thông tin về thị trường, giá cả,... kịp thời. *Hai là*, tích cực và chủ động mở rộng quan hệ với các tổ chức liên quan tới chính sách thương mại trong và ngoài nước: Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam, Trung tâm hỗ trợ DN VVN của Liên minh HTX Việt Nam. *Ba là*, khuyến khích các mối quan hệ kinh tế giữa DN lớn và DN siêu nhỏ (trong đó có hộ kinh doanh) thông qua việc ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu, phân phối sản phẩm, làm đại lý... *Bốn là*, tăng cường sự liên kết giữa các địa phương trong tỉnh và liên kết với ngoài tỉnh để giúp hộ kinh doanh mở rộng thị trường đầu ra tốt hơn.

4.3. Chính sách về thuế

Một là, tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và chính sách thuế. *Hai là*, tăng cường công tác quản lý thu thuế nhằm đảm bảo tính công bằng về nghĩa vụ thuế. *Ba là*, cơ quan quản lý thuế cần phối hợp cùng các cơ quan chức năng tăng cường hướng dẫn giúp đỡ và thúc đẩy việc thực hiện tốt chế độ kê khai thuế. *Bốn là*, cơ quan thuế cấp tỉnh cần quy định và kiểm soát chặt chẽ việc cán bộ làm trong các cơ quan thuế làm kế toán, tư vấn cho các chủ hộ khai thu nhập thuế. *Năm là*, thường xuyên tổ chức tập huấn để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thuế, ...

4.4. Tăng cường cải cách các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh

Một là, thực hiện tốt việc phân công, phân cấp giữa các Sở, Ban ngành và các địa phương trong việc quản lý, quy định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm. *Hai là*, quán triệt hơn nữa quan điểm chức năng của cơ quan Nhà nước là hỗ trợ, không phải cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, *Ba là*, xây dựng các chế tài buộc các thành phần kinh tế tư nhân đã đăng ký phải thông báo ngay cho các cơ quan ĐKKD cấp huyện về mọi thay đổi liên quan đến thông tin đã đăng ký. *Bốn là*, xây dựng khung pháp lý riêng cho hộ kinh doanh. *Năm là*, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng hỗ trợ về thủ tục hành chính liên quan đến kinh doanh cho hộ dân trên địa bàn.

4.5. Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ hộ kinh doanh

Đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ cần nâng cao uy tín của mình nhằm củng cố lòng tin về khả năng cung cấp dịch vụ. *Hai là*, đối với dịch vụ tư vấn cần đào tạo thêm các nhân viên tư vấn giỏi, có trình độ, có dịch vụ tư vấn kỹ thuật và tư vấn quản lý kỹ thuật tốt. *Ba là*, nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất của người làm dịch vụ cần được coi là khâu trọng tâm, cơ bản và quyết định.

4.6. Tăng cường chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn và tín dụng

Mở rộng đối tượng hỗ trợ của quỹ bảo lãnh tín dụng cho hộ kinh doanh cá thể, tạo vốn từ ngân sách Nhà nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của hộ cá thể, chính sách về tài sản thế chấp khi vay vốn tại các tổ chức tín dụng, mở rộng hoạt động cho thuê tài chính.

4.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hộ kinh doanh

Một là, tiếp tục củng cố, sắp xếp quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường dạy nghề, xác định cơ cấu ngành, nghề đào tạo phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. *Hai là*, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các trường, các cơ sở đào tạo, các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề với các doanh nghiệp trên địa bàn. *Ba là*, nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, và dịch vụ việc làm cho người lao động. *Bốn là*, tạo điều kiện giúp đỡ các hộ kinh doanh rà soát, đánh giá thực trạng lao động từ đó lập kế hoạch đào tạo phù hợp.

5. Kết luận

Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hộ kinh doanh lĩnh vực chế biến và chế tạo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng gồm: (i) Điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng; (ii) Tiếp cận thị trường; (iii) Chính sách về thuế; chính sách thuế có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hộ; (iv) Các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, (v) Các dịch vụ hỗ trợ; (vi) Quy mô và tiếp cận nguồn vốn, tín dụng; (vii) Nguồn nhân lực của hộ kinh doanh; (viii) Thời gian hoạt động; cơ sở kinh doanh có thời gian hoạt động dài có hiệu quả kinh doanh thấp hơn so với cơ sở kinh doanh có thời gian hoạt động ngắn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cổng thông tin điện tử Sóc Trăng (2018), Tỉnh Sóc Trăng, <https://www.soc-trang.gov.vn/ubnd-stg/4/467/54253/Ban-do-dia-gioi-hanh-chinh/>, truy cập ngày 26 tháng 11 năm 2018.
- [2]. Võ Hồng Đức và Lê Hoàng Long (2014), Các nhân tố tác động đến hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Đại học mở TP.HCM*, 2 (35), tr.14-27.
- [3]. Nguyễn Nam Hải (2018), Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh Đồng Nai, *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai*, số 10.
- [4]. Phước Minh Hiệp và Võ Thị Bích Hương (2019), Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Bến Tre, *Tạp chí Tài chính* tháng 8/2019
- [5]. Trương Đông Lộc và Trần Văn Tâm (2013), Phân tích hiệu quả tài chính của các công ty lương thực ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 27(D).
- [6]. Phan Thị Minh Lý (2011), Tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Thừa Thiên Huế, *Tạp chí KH và CN Đại học Đà Nẵng*, 2 (43).
- [7]. Nguyễn Quốc Nghi và Mai Văn Nam (2011), Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Tp Cần Thơ, *Tạp chí KH ĐH Cần Thơ*, số 19b.
- [8]. Nguyễn Thị Hồng Nhung và Đỗ Thị Ly (2016), Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng ở địa bàn tỉnh Khánh Hòa, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Đại học Nha Trang*, tr.60-64.
- [9]. Quan Minh Nhựt và Lý Thị Phương Thảo (2014), Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp bất động sản đang niêm yết trên thị trường chứng khoán VN, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 33, 65-71
- [10]. Sở KH & ĐT tỉnh Sóc Trăng (2018), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 2018, tỉnh Sóc Trăng, 16 trang.
- [11]. Sở KH và ĐT tỉnh Sóc Trăng (2016), Báo cáo tình hình đăng ký kinh doanh của HỘ KINH DOANH cá thể hoạt động ngành, nghề chế biến và chế tạo 2016, <http://www.dkkd.sokhdt.soctrang.gov.vn>, truy cập ngày 10/4/2019.
- [12]. Sở KH và ĐT tỉnh Sóc Trăng (2017), Báo cáo tình hình đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể hoạt động ngành, nghề chế biến và chế tạo 2017, <http://www.dkkd.sokhdt.soctrang.gov.vn>, truy cập ngày 10/4/2019.
- [13]. Sở KH&ĐT tỉnh Sóc Trăng (2018), Báo cáo tình hình đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể hoạt động ngành, nghề chế biến và chế tạo 2018, <http://www.dkkd.sokhdt.soctrang.gov.vn>, truy cập ngày 10/4/2019.